

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/KDTM-PT

Ngày 03 - 01 -2023

V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 14/2022/TLPT- KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án KDTM sơ thẩm số: 10/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2022/QĐPT-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Q); địa chỉ: CL, quận Đ, Tp. Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Vũ Quang P - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đắk Lắk; vắng mặt

- Ông Nguyễn Duy T; vắng mặt

- Ông Hoàng Trọng K; vắng mặt

Cùng địa chỉ: HBT, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Đinh Hồng H; địa chỉ: LVL, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt

- Ông Nguyễn Tuấn K1; địa chỉ: THĐ, p. G, quận X, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Quốc A1 – Giám đốc công ty; địa chỉ: NQ, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trịnh Văn A2; địa chỉ: LTT, phường HP, thành phố TD, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần AL;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng Z - Tổng Giám đốc; địa chỉ: Y, xã KB, huyện TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt

3.2. Ông Lê Hồng Z (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Hồng Z:

- Bà Hàng Thị Ngọc Z1, sinh năm 1986; địa chỉ: 163B Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

- Ông Lê Hồng S và bà Nguyễn Thị Thanh S1; địa chỉ: LHP, phường U, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

3.3. Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: TP, phường XA, Tp. LK, tỉnh Đồng Nai; Hiện đang chấp hành án tại trại giam XL, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt

3.4. Ông Phan Hùng Anh; địa chỉ: THD, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 30/10/2012, Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Q) và Công ty TNHH A (gọi tắt là Công ty A hoặc Bên vay) ký một (01) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 90.12.340.546307.TDHM. Theo đó, Ngân hàng Q chấp thuận cấp cho Công ty A một hạn mức tín dụng với số tiền 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng chẵn) để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh cà phê xuất khẩu năm 2012-2013 của Công ty. Theo đó, Ngân hàng Q đã giải ngân cho Công ty A tổng số tiền là: 49.986.600.000 đồng cụ thể:

Theo Khế ước số LD1318600702 ngày 05/7/2013 giải ngân số tiền 7.936.600.000 đồng đã trả toàn bộ số tiền gốc là 7.936.600.000 đồng, đã trả tiền lãi 44.092.222 đồng và còn nợ tiền lãi là 651.327.365 đồng.

Theo khế ước số LD1318900383 ngày 8/7/2013 giải ngân số tiền là 16.900.000.000 đồng và đã trả số tiền gốc 8.202.519.209 đồng và đã trả tiền lãi 79.991.556 đồng; số tiền còn nợ gốc là 8.697.480.791 đồng và nợ tiền lãi tính đến ngày 29/6/2022 là 13.363.519.804 đồng.

Theo khế ước số LD1319800211 ngày 17/7/2013 Ngân hàng giải ngân số tiền

14.900.000.000 đồng. Hiện nay chưa trả được khoản nợ gốc nào và nợ tiền lãi tính đến ngày 29/6/2022 là 20.110.861.111 đồng

Theo khế ước số LD1319900222 ngày 18/07/2013 Ngân hàng giải ngân số tiền 10.250.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả được khoản nào và số tiền lãi đã trả 2.369.087 và nợ lãi tính đến ngày 29/6/2022 là 14.060.573.969 đồng.

Như vậy, tính đến thời điểm ngày 29/6/2022 Công ty TNHH A còn nợ Ngân hàng Q với tổng số tiền là: 82.033.763.039 đồng. Trong đó, nợ gốc 33.847.480.791 đồng và nợ lãi 48.186.282.248 đồng, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2022.

Để bảo đảm cho khoản tín dụng trên của bên vay tại Ngân hàng Q, Công ty A thế chấp những tài sản như sau:

1. Những tài sản là Hàng hóa luân chuyển hình thành từ vốn vay, theo 04 hợp đồng thế chấp cụ thể như sau:

- Theo hợp đồng thế chấp số 199.13.340.546307.TCDN ngày 05/7/2013 (hàng hóa luân chuyển, hình thành từ vốn vay) thế chấp Cà phê thành phẩm xuất khẩu vụ 2012-2013, số lượng 334.800kg, thành tiền 12.954.000.000 đồng được đăng ký và ký gửi tại kho của Công ty TNHH AL (hiện không còn)

- Theo hợp đồng thế chấp số 201.13.340.546307.TCDN ngày 08/7/2013 (hàng hóa luân chuyển, hình thành từ vốn vay) thế chấp Cà phê thành phẩm xuất khẩu vụ 2012-2013, số lượng 1.073.200 kg, thành tiền 26.387.000.000 đồng, được đăng ký và ký gửi tại kho của Công ty TNHH AL (hiện không còn)

- Theo hợp đồng thế chấp số 209.13.340.546307.TCDN ngày 17/7/2013 gồm: Cà phê thành phẩm xuất khẩu vụ 2012-2013 số lượng 500.000 kg, thành tiền 20.531.000.000 đồng và Cà phê nhân ROBUSTA vụ 2012-2013, số lượng 73.000 kg, thành tiền 3.029.500.000 đồng, được đăng ký và ký gửi tại kho của Công ty TNHH AL (hiện không còn);

- Theo hợp đồng thế chấp số 210.13.340.546307.TCDN ngày 18/7/2013 thế chấp Cà phê thành phẩm xuất khẩu vụ 2012-2013, số lượng 400.000kg, thành tiền 15.436.020.000 được đăng ký và ký gửi tại kho của Công ty TNHH AL (hiện không còn)

2. Các tài sản thế chấp khác gồm:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 688409 tại phường TL, thành phố B.

- Xe ô tô con nhãn hiệu Lexus, biển kiểm soát 47A-003.69 sản xuất năm 2009.

Toàn bộ hai tài sản bảo đảm này là Quyền sử dụng đất và Xe ô tô đã được Ngân hàng Q giải chấp theo đề nghị của khách hàng và đã được bên phía Công ty TNHH A bán để trả nợ một phần khoản nợ cho Ngân hàng Q. Sau khi vay tiền của

Ngân hàng TMCP Q, mặc dù Ngân hàng TMCP Q đã nhiều lần làm việc đề nghị Công ty TNHH A trả nợ nhưng Công ty vẫn chây ỳ không hợp tác trả nợ. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2022 Công ty TNHH A còn nợ Ngân hàng Q với tổng số tiền 82.033.763.039 đồng. Trong đó, nợ gốc 33.847.480.791 đồng và nợ lãi 48.186.282.248 đồng. Đối với tài sản thế chấp, Ngân hàng thương mại cổ phần Q xác nhận đây là tài sản của Công Ty TNHH A, ký gửi kho tại Công ty cổ phần AL. Khi tài sản được ký gửi kho do nhân viên Công ty cổ phần AL là người nhận giữ tài sản. Ngân hàng Q không nắm được tài sản chuyển kho và xuất kho thực tế là bao nhiêu, đối với số hàng tại kho AL Ngân hàng chỉ biết thông qua xác nhận các chứng từ do Công ty cổ phần AL và Công ty TNHH A cung cấp, số tiền Ngân hàng Q giải ngân cho Công ty TNHH A chỉ căn cứ vào các đơn nhận hàng và nhập hàng. Đối với hành vi của ông Lê Hồng Z là Giám đốc Công ty AL thực hiện hành vi chiếm đoạt toàn bộ kho hàng Ngân hàng Q không biết sự việc này và Ngân hàng Q cũng không được triệu tập để làm rõ sự việc. Sự việc ông Lê Hồng Z chiếm đoạt tài sản trong kho hàng AL đều ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng Q cũng như Công ty TNHH A.

Từ những lý do trên, Ngân hàng Q kính đề nghị Quý Tòa:

1. Buộc Công ty A trả cho Q số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2022 là: 82.033.763.039 đồng. Trong đó, nợ gốc 33.847.480.791 đồng và nợ lãi 48.186.282.248 đồng, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2022 và các khoản tiền lãi phát sinh tính trên khoản nợ kể từ ngày 30/6/2022 cho đến khi Công ty TNHH A thanh toán hết nghĩa vụ nợ với Ngân hàng Q theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên.

2. Trường hợp Công ty A không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ theo Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển hình thành từ vốn vay hoặc các tài sản hợp pháp khác của Công ty TNHH A để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Q.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:**

Ngày 30/12/2012, công ty TNHH A và ngân hàng thương mại cổ phần Q - chi nhánh Đắk Lắk ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 90.12.340.546307.TDHM. theo đó, Ngân hàng sẽ cấp cho công ty A vay một hạn mức tín dụng có xác định thời hạn với tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là 200.000.000.000 VNĐ, trong đó hạn mức tín dụng thường xuyên là 50.000.000.000 VNĐ, hạn mức tín dụng bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi tối đa là 150.000.000.000 VNĐ. Lãi suất đối với các khoản vay được áp dụng theo chính sách lãi suất và khung lãi suất cho vay do tổng giám đốc Q ban hành trong từng thời kỳ tại thời điểm giải ngân tương ứng với kết quả xếp

hạn tín dụng của khách hàng, lãi suất vay sẽ được ghi trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Công ty A đã thực hiện thế chấp hàng hóa và các tài sản là: Bất động sản có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 688409 tại phường Tân Lợi, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xe ô tô nhãn hiệu Lexus, biển số 47A-003.69 sản xuất năm 2009 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 90.12.340.546307.TDHM Thực hiện hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân khoản vay cho công ty A theo quy định hợp đồng. Công ty A đã sử dụng khoản tiền vay của ngân hàng thực hiện việc kinh doanh theo đúng mục đích tại hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, trong quá trình kinh doanh, các đối tác lớn và lâu năm của công ty A là ông Lê Hồng Z (Tổng giám đốc công ty cổ phần AL) bà Nguyễn Thị M (giám đốc công ty Phú Hưng Long) đã có hành vi lạm dụng tín dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của ngân hàng, Công ty TNHH A; các hành vi của ông Z và bà M đã được cơ quan có thẩm quyền điều tra và truy tố. Hiện tại, ông Z và bà M đã bị cơ quan công an điều tra bắt tạm giam để phục vụ công tác điều tra (Công ty A đang thu thập các tài liệu này để cung cấp cho Tòa án). Do vậy, công ty A chưa có đủ cơ sở thanh toán toàn bộ số tiền Ngân hàng đã giải ngân. Trên tinh thần thiện chí và hợp tác, Công ty A đề nghị ngân hàng đã chấp thuận bán các tài sản đã thế chấp là Bất động sản có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 688409 tại phường Tân Lợi, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xe ô tô nhãn hiệu Lexus, biển số 47A-003.69 sản xuất năm 2009, để thanh toán cho Ngân hàng. Đối với việc khởi kiện của Ngân hàng Q, theo quy định của pháp luật thì thời hiệu khởi kiện hợp đồng tín dụng đã hết nên yêu cầu ngân hàng không tính lãi suất cho công ty A. Đối với tài sản thế chấp tại Kho hàng của Công ty AL, tôi xác nhận đây là tài sản của Công ty A, ông Lê Hồng Z là giám đốc của Công ty AL là người trực tiếp thực hiện chiếm đoạt toàn bộ tài sản tại kho và gây ảnh hưởng rất lớn đến việc làm ăn và hoạt động của Công ty.

- Nay, chúng tôi xác nhận còn nợ Ngân hàng thương mại Cổ phần Q với tổng số tiền gốc là 33.847.480.791 đồng. Do ảnh hưởng từ hành vi chiếm đoạt tài sản tại kho AL của ông Lê Hồng Z tôi đề nghị Ngân hàng giảm $\frac{1}{2}$ nợ gốc. Đối với lãi suất do thời hiệu khởi kiện đã hết nên Công ty TNHH A không đồng ý trả số tiền lãi cho Ngân hàng.

*** Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A ông Phan Quốc A1 trình bày:**

Nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH A và không có ý kiến gì bổ sung thêm.

***Theo đơn xin vắng mặt và đơn từ chối tham gia tố tụng ngày 08/6/2022 bà Hàng Thị Ngọc Z1 trình bày:**

Tôi không rõ quan hệ giữa chồng bà là ông Lê Hồng Z và Công ty TNHH A trong vụ án là như thế nào, hơn nữa tôi được biết vụ án bà Nguyễn Thị M (có liên quan đến chồng tôi Lê Hồng Z) đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bản án đã có hiệu lực pháp luật, theo đó buộc bà Nguyễn Thị M chịu toàn bộ trách nhiệm trả, bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH A, tức là trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong bằng một bản án Hình sự đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Vì lẽ đó tôi nghĩ chồng tôi ông Lê Hồng Z và tôi là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chồng tôi Lê Hồng Z không có bất cứ liên quan nào đến tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q và Công ty TNHH A trong vụ án nêu trên. Đồng thời yêu cầu: xác định không có bất cứ liên quan nào đến tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Q và Công ty TNHH A. Xin từ chối tham gia tố tụng vụ án nêu trên ở mọi cấp xét xử. Xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm.

*** Theo bản tự khai ngày 06/4/2022 ông Phan Hùng Anh trình bày:**

Tôi có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Q và có ký một số giấy tờ xác nhận nợ của Công ty TNHH A. Tuy nhiên, khi ký các văn bản như vậy không có giấy ủy quyền của giám đốc Công ty là ông Phan Quốc A1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xét xử vắng mặt tôi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần AL, Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Hồng Z là ông Lê Hồng S và bà Nguyễn Thị Thanh S1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó không thể tiến hành ghi lời khai của những người trên.

Tại Bản án KDTM sơ thẩm số: 10/2022/DSST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của TAND Tp. Buon Ma Thuot đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 342; Điều 343; Điều 344; Điều 347; Điều 348, Điều 349; Điều 350; Điều 351; Điều 471, Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 475; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91; Điều 95 Luật của các tổ chức tín dụng.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q. Buộc Công ty TNHH A phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q toàn bộ tổng số tiền còn nợ là: 82.033.763.039 đồng. Trong đó, nợ gốc 33.847.480.791 đồng và nợ lãi 48.186.282.248 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2022. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2022 Công ty TNHH A phải tiếp

tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc xử lý tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay là cà phê nhân xô đã được Ngân hàng TMCP Q và Công ty TNHH A thế chấp bằng các hợp đồng thế chấp số 199.13.340.546307.TCDN ngày 05/7/2013; Hợp đồng thế chấp số 201.13.340.546307.TCDN ngày 08/7/2013; Hợp đồng thế chấp số 209.13.340.546307.TCDN ngày 17/7/2013; Hợp đồng thế chấp số 210.13.340.546307.TCDN ngày 18/7/2013.

Trong trường hợp Công ty TNHH A không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q, thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B kê biên tài sản khác của Công ty TNHH A để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/7/2022, bị đơn Công ty TNHH A kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 10/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH A – giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm số: 10/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH A cho rằng Hợp đồng tín dụng giữa Công ty A và Ngân hàng Q được ký kết ngày 30/10/2012, quy

định thời hạn giải ngân đến ngày 31/10/2013 và ngày đáo hạn cuối cùng: 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (Ngày giải ngân đầu tiên là ngày 05/7/2013). Theo quy định thời hiệu để khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hết nên Ngân hàng Q không có quyền đòi lãi đối với khoản vay, HĐXX thấy rằng:

Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90.12.340.546307.TDHM ngày 30/10/2012. Ngân hàng Q đã chấp thuận cho Công ty A một hạn mức tín dụng với số tiền là 200.000.000.000 đồng và Ngân hàng Q đã giải ngân cho Công ty A tổng số tiền là 49.986.600.000 đồng bằng các khế ước nhận nợ như sau: Theo Khế ước số LD1318600702 ngày 05/7/2013 giải ngân số tiền 7.936.600.000 đồng ngày đáo hạn là ngày 05/10/2013; Theo khế ước số LD1318900383 ngày 8/7/2013 giải ngân số tiền là 16.900.000.000 đồng và ngày đáo hạn ngày 08/10/2013; Theo khế ước số LD1319800211 ngày 17/7/2013 Ngân hàng giải ngân số tiền 14.900.000.000 đồng và ngày đáo hạn là ngày 17/10/2013; Theo khế ước số LD1319900222 ngày 18/07/2013 Ngân hàng giải ngân số tiền 10.250.000.000 đồng và ngày đáo hạn là ngày 18/10/2013.

Tại biên bản làm việc ngày 24/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q và Công ty A đã xác nhận khoản tiền nợ gốc và tiền lãi suất. Mặc dù ông Phan Hùng Anh là phó giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A, tuy nhiên tại văn bản họp Hội đồng thành viên ngày 18/01/2010 (Bút lục số 513) của Công ty TNHH A đã ủy quyền cho ông Phan Hùng Anh thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng, đây là văn bản có nội dung phân công nhiệm vụ ủy quyền thường xuyên.

Theo Điều 157 Bộ luật dân sự quy định như sau:

“Điều 157. Bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự

1. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây:

a) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;

...

2. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này.”

Thấy rằng, Công ty A đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng Q vào ngày 24/8/2018, nên thời hiệu khởi kiện vụ án sẽ được tính lại từ ngày 25/8/2018. Ngày 19/6/2018 Ngân hàng TMCP Q khởi kiện Công ty TNHH A là vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

Từ nhận định trên thấy rằng kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH A không có căn cứ, cần giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm số: 10/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

Tuy nhiên Bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ thi hành án khi Công ty TNHH A không trả, trả không đủ nợ cho ngân hàng Q có quyền yêu cầu thi hành án kê biên tài sản khác để thi hành án là vượt quá phạm vi khởi kiện nên cấp phúc thẩm cần sửa lại không tuyên trong phần quyết định là phù hợp.

[3] Về án phí KDTM phúc thẩm: Vì không được chấp nhận kháng cáo nên Công ty TNHH A phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH A - Giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm số: 10/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q. Buộc Công ty TNHH A phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q toàn bộ tổng số tiền còn nợ là: 82.033.763.039 đồng. Trong đó, nợ gốc 33.847.480.791 đồng và nợ lãi 48.186.282.248 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2022. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2022 Công ty TNHH A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc xử lý tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay là cả phê nhân xô đã được Ngân hàng TMCP Q và Công ty TNHH A thế chấp bằng các hợp đồng thế chấp số 199.13.340.546307.TCDN ngày 05/7/2013; Hợp đồng thế chấp số 201.13.340.546307.TCDN ngày 08/7/2013; Hợp đồng thế chấp số 209.13.340.546307.TCDN ngày 17/7/2013; Hợp đồng thế chấp số 210.13.340.546307.TCDN ngày 18/7/2013.

[2.3]. Về án phí KDTM sơ thẩm: Công ty TNHH A phải chịu 190.033.763 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Q không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 84.482.000 đồng đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2017/0007954 ngày 27/8/2018.

[2.4]. Về án phí KDTM phúc thẩm:

Buộc Công ty TNHH A phải chịu 2.000.000 đồng án phí KDTM phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0019875 ngày 14/7/2022 của Chi cục THADS Tp. B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Chung